

Số: 1254/QĐ-ĐHTĐ

Hải Phòng, ngày 22 tháng 08 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Việc xác định điểm trúng tuyển đầu vào tuyển sinh đại học chính quy năm 2025, diện xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học”;

Căn cứ Thông tư 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề trình độ đại học năm 2025;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Thành Đông;

Theo đề nghị Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điểm trúng tuyển đầu vào để tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 theo phương thức xét tuyển theo học bạ THPT và phương thức xét tuyển kết quả kỳ thi THPT Quốc gia đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương như sau:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Khối xét tuyển	Điểm trúng tuyển		Thang điểm
				Theo PT xét học bạ THPT	Theo PT xét KQ thi THPT	
1	Y học cổ truyền	7720115	A00, A02, B00	≥24 điểm HL: Giỏi	≥19 điểm	30
2	Dược học	7720201	A00, A02, B00	≥24 điểm HL: Giỏi	≥19 điểm	30
3	Điều dưỡng	7720301	A00, A02, B00	≥19.5 điểm HL: Khá	≥17 điểm	30
4	Dinh dưỡng	7720401	A00, A02, B00	≥19.5 điểm HL: Khá	≥17 điểm	30
5	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	A00, A02, B00	≥19.5 điểm HL: Khá	≥17 điểm	30
6	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	A00, A02, B00	≥19.5 điểm HL: Khá	≥17 điểm	30
7	Luật	7380101	A00, A01, C00, D01	≥18 điểm	≥15 điểm	30

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Khối xét tuyển	Điểm trúng tuyển		Thang điểm
				Theo PT xét học bạ THPT	Theo PT xét KQ thi THPT	
8	Luật kinh tế	7380107	A00, A01, C00, D01	≥18 điểm	≥15 điểm	30
9	Quản lý nhà nước	7310205	A00, A01, C00, D01	≥18 điểm	≥15 điểm	30
10	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00, A01, C00, D01	≥18 điểm	≥15 điểm	30
11	Quản trị khách sạn	7810201	A00, A01, C00, D01	≥18 điểm	≥15 điểm	30
12	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, A07, D01	≥18 điểm	≥15 điểm	30
13	Kế toán	7340301	A00, A01, A07, D01	≥18 điểm	≥15 điểm	30
14	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, A07, D01	≥18 điểm	≥15 điểm	30
15	Quản lý đất đai	7850103	A00, B00, D01, A04	≥18 điểm	≥15 điểm	30
16	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	7510103	A00, A01, D07, D08	≥18 điểm	≥15 điểm	30
17	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D07, D08	≥18 điểm	≥15 điểm	30
18	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, C01, D01	≥18 điểm	≥15 điểm	30
19	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	A00, A01, D07, D08	≥18 điểm	≥15 điểm	30
20	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01, D07, D08	≥18 điểm	≥15 điểm	30
21	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	A00, A01, D07, D08	≥18 điểm	≥15 điểm	30
22	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, A07, D01	≥18 điểm	≥15 điểm	30
23	Trí tuệ nhân tạo	7480107	A00, A01, D07, D08	≥18 điểm	≥15 điểm	30
24	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	A00, A01, D07, D08	≥18 điểm	≥15 điểm	30
25	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D07, D14, D15	≥18 điểm	≥15 điểm	30
26	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D01, C00, D14, D15	≥18 điểm	≥15 điểm	30
27	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	D01, C00, D14, D15	≥18 điểm	≥15 điểm	30

Điều 2. Điểm trúng tuyển đầu vào là căn cứ để Hội đồng tuyển sinh tổ chức xét tuyển đại học chính quy năm 2025.

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- HĐTS;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.

**HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



Lê Văn Hùng